

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ – ST
Ngày 13 - 8- 2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm
Bà Phạm Thị Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Quỳnh L, sinh năm 1998; Hộ khẩu thường trú: Xóm C, thôn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi cư trú: Trại A, thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Xóm C, thôn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2020 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Quỳnh L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn ngày 15/4/2016, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được pháp luật thừa nhận là vợ chồng, quá trình chung sống những năm đầu hòa thuận, đến năm 2019 bắt đầu mâu thuẫn, đầu năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhiều. Nguyên nhân mâu thuẫn phần lớn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị L đã ra ngoài thuê nhà ở riêng từ đó đến nay và kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K nên chị tha thiết xin ly hôn anh K.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/12/2015. Hiện nay cháu Hiếu đang ở cùng anh K, khi ly hôn chị đồng ý để anh K chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hiếu. Tuy cháu Hiếu sinh ra trước khi anh chị đăng ký kết hôn nhưng trước khi kết hôn anh chị sống với nhau như vợ chồng nên dẫn đến việc chị có thai, chị khẳng định cháu Nguyễn Minh H là con chung của chị và anh K.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị L về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L đi làm công ty về nhà lạnh nhạt với anh, có quan hệ nam nữ không đúng mực có lần anh đọc được tin nhắn của một người đàn ông nhắn tin xưng hô vợ chồng với chị L, do đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn sau khi mâu thuẫn chị L tự ý bỏ nhà ra thuê ở riêng. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý mặc dù thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm tới nhau nhưng anh vẫn xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị L là vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/12/2015. Hiện nay cháu Hiếu đang ở cùng anh; Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi cháu và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Vũ Thị Quỳnh L đối với anh Nguyễn Văn K. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Quỳnh L khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Văn K và đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn K đang cư trú tại thôn Chùa, xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Quỳnh L và anh Nguyễn Văn K đều thừa nhận vợ chồng anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hợp pháp. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị L đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh K không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K, nếu Tòa án không cho chị ly hôn thì chị cũng không thể về đoàn tụ với anh K được. Anh K không đồng ý ly hôn với chị L nhưng không đưa ra được căn cứ để xin đoàn tụ; anh K cũng khẳng định quá trình chung sống, do luôn bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2019 mà nguyên nhân mâu thuẫn phần lớn là do chị L không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng không còn và đặc biệt kể từ khi sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh K đều thừa nhận có một con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/12/2015. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh K đã thiết xin được nuôi cháu Hiếu, chị L đồng ý. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của anh K là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp mặt khác cũng là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con. Để đảm bảo quyền lợi cũng như tránh sáo trộn cuộc sống của cháu Hiếu nên giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cháu Hiếu cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn, chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh K mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị L và anh K không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về giải quyết vụ án không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về đường lối giải quyết vụ án nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Quỳnh L được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về nuôi con chung: Giao cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/12/2015. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K 1.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị Quỳnh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0005691 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Lạc và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Đồng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị L

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Đồng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị L

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huân Tạ Văn Đức

Trần Thị L

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND TT Yên Lạc;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị L

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị L

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị L

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thái Nguyễn Đức Tiến

Trần Thị L

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị L

Điều 34. Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức

1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó.

3. Khi xem xét hủy quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

4. Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mục 2. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN CÁC CẤP**Điều 35. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện**

1. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:

- a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;
- b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này;
- c) Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này.

2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu sau đây:

- a) Yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này;
- b) Yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật này;
- c) Yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 31 của Bộ luật này;
- d) Yêu cầu về lao động quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 33 của Bộ luật này.

3. Những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tiến

Lê Thị Bích Thuần

Trần Thị L

